

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I, NĂM HỌC 2024 – 2025

Phân môn: Địa lí- Lớp 9. Thời gian: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỊA LÍ DÂN CƯ	- Thành phần dân tộc - Gia tăng dân số ở các thời kì - Cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính - Phân bố dân cư - Các loại hình quần cư thành thị và nông thôn	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm phân bố các dân tộc Việt Nam. Thông hiểu - Phân tích được sự thay đổi cơ cấu tuổi và giới tính của dân cư. - Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn. Vận dụng - Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương. - Vẽ và nhận xét được biểu đồ về gia tăng dân số. - Đọc bản đồ Dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư. - Nhận xét được sự phân hoá thu nhập theo vùng từ bảng số liệu cho trước.	2TN	1TL*		

						1TL	
2	ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ	1. Nông nghiệp, thủy sản - Các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản - Sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản - Vấn đề phát triển nông nghiệp xanh	Nhận biết - Trình bày được sự phát triển và phân bố nông, lâm, thủy sản. Thông hiểu - Phân tích được một trong các nhân tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp (các nhân tố tự nhiên: địa hình, đất đai, khí hậu, nước, sinh vật; các nhân tố kinh tế-xã hội: dân cư và nguồn lao động, thị trường, chính sách, công nghệ, vốn đầu tư). - Phân tích được đặc điểm phân bố tài nguyên rừng và nguồn lợi thủy sản. - Trình bày được ý nghĩa của việc phát triển nông nghiệp xanh. Vận dụng: Tìm kiếm thông tin, viết báo cáo ngắn về một số mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả.	3TN 1TN*	1TL		
		2. Công nghiệp - Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp - Sự phát triển	Nhận biết - Trình bày được sự phát triển và phân bố của một trong các ngành công nghiệp chủ yếu - Xác định được trên bản đồ các trung tâm công nghiệp chính. Thông hiểu - Phân tích được vai trò của một	2TN 1TN*			

		và phân bố của các ngành công nghiệp chủ yếu - Vấn đề phát triển công nghiệp xanh	trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp: vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên, dân cư và nguồn lao động, chính sách, khoa học-công nghệ, thị trường, vốn đầu tư, nguồn nguyên liệu. Vận dụng cao: Giải thích được tại sao cần phát triển công nghiệp xanh.				1TL
Tổng				8 TN	1TL	1 TL	1 TL
<i>Tỉ lệ %</i>				<i>20</i>	<i>15</i>	<i>10</i>	<i>5</i>

Họ và tên:	Điểm	Nhận xét của thầy (cô)
Lớp: 9/		

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Khoanh tròn một trong những chữ cái (A, B, C hoặc D) đứng trước phương án trả lời đúng (từ câu 1 đến câu 7).

Câu 1. Các dân tộc ít người nước ta thường phân bố ở

- A. miền núi, trung du. B. miền núi, duyên hải.
C. đồng bằng, duyên hải. D. trung du, đồng bằng.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không đúng** với đặc điểm dân tộc của nước ta?

- A. Có truyền thống đoàn kết. B. Cùng nhau bảo vệ đất nước.
C. Có lòng nồng nàn yêu nước. D. Có cùng một bản sắc văn hóa.

Câu 3. Rừng sản xuất ở nước ta là

- A. các khu dự trữ sinh quyển và vườn quốc gia.
B. rừng trồng như keo, bạch đàn,... để khai thác gỗ.
C. khu bảo tồn thiên nhiên, rừng ngập mặn ven biển.
D. rừng đầu nguồn các con sông, rừng phi lao chắn cát.

Câu 4. Vùng nuôi trồng thủy sản lớn của nước ta là

- A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 5. Công nghiệp khai thác than tập trung chủ yếu ở

- A. Sơn La. B. Cao Bằng. C. Quảng Ninh. D. Thái Nguyên.

Câu 6. Sản phẩm nào sau đây là của công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm nước ta?

- A. Thủy sản ướp đông, quần áo. B. Giày dép da, bánh kẹo, sữa tươi.
C. Đường kính, sữa tươi, quần áo. D. Sữa tươi, gạo xay xát, bánh kẹo.

Câu 7. Nối ý ở cột A với ý ở cột B sao cho đúng

A. Cây trồng	B. Nơi phân bố
1. Cà phê	a. Đông Nam Bộ
2. Cao su	b. Tây Nguyên
3. Chè	c. Đồng bằng sông Cửu Long
4. Dừa	d. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- A. 1 - b, 2 - a, 3 - d, 4 - c. B. 1 - a, 2 - b, 3 - c, 4 - d.
C. 1 - c, 2 - d, 3 - a, 4 - b. D. 1 - d, 2 - c, 3 - a, 4 - b.

Câu 8. Chọn một trong các cụm từ sau đây để điền vào chỗ trống (.....) sao cho hợp lí (duyên hải, trung du, miền núi).

Các nhà máy thủy điện phân bố chủ yếu ở khu vực.....

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Phân tích các nhân tố tự nhiên (địa hình, khí hậu, nước) ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

Câu 2. (1,0 điểm) Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1989 – 2021

A blank sheet of white paper with horizontal dotted lines.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM- KIỂM TRA GIỮA KÌ I (2024-2025)

Phân môn: Địa lí- Lớp 9

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi ý đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	B	C	C	D	A	miền núi

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Nội dung cần trình bày	Điểm
Câu 1 (1,5 đ)	Các nhân tố tự nhiên (địa hình, khí hậu, nước) ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp.	1,5 đ
	*Địa hình: - Nước ta có $\frac{3}{4}$ diện tích đồi núi thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc lớn.	0,25
	- Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích. Đất phù sa thuận lợi cho phát triển vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm.	0,25
	* Khí hậu: - Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa thuận lợi phát triển nông nghiệp nhiệt đới; cây trồng, vật nuôi phát triển nhanh, quanh năm cho năng suất cao.	0,25
	- Khí hậu phân hoá đa dạng tạo cơ cấu mùa vụ, sản phẩm đa dạng.	0,25
Câu 2 (1,0đ)	* Nước: Nước ta có hệ thống sông ngòi dày đặc. Nguồn nước ngầm phong phú phục vụ cho sản xuất nông nghiệp	0,5
	Vẽ biểu đồ cột: Đúng biểu đồ, đúng tỉ lệ, khoa học, thẩm mỹ, đầy đủ thông tin (tên, bảng chú giải...) (Trừ điểm nếu: chia khoảng cách năm sai, không ghi đơn vị ở các thành phần, không chú giải và tên biểu đồ; thiếu sai mỗi ý trừ 0,25 đ). - Vẽ các dạng biểu đồ khác, không cho điểm.	1,0
Câu 3 (0,5đ)	Cần phát triển công nghiệp xanh vì: <i>HS thể hiện được sự hiểu biết về lợi ích của công nghiệp xanh. Tùy theo cách trả lời GV ghi điểm phù hợp. HS nêu được một số ý cơ bản sau:</i> - Tái sử dụng chất thải nên tiết kiệm được chi phí đầu vào - Giảm thiểu chất thải công nghiệp, giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường, đảm bảo sức khỏe của người dân và tạo ra các sản phẩm an toàn	0,5